

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Sau khi nghe Báo cáo số 223/BC-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp.

Điều 2. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên với các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ giải pháp chủ yếu sau:

I. Mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao toàn diện đời sống của Nhân dân, xây dựng tỉnh Thái Nguyên trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, có thu nhập trung bình cao trước năm 2030, phấn đấu thành tỉnh phát triển có thu nhập cao trước năm 2045.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt 361,6 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng 54,6%; dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 36,5%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 8,9%.

(2) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) theo giá so sánh bình quân từ 10,5%/năm trở lên.

(3) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 220 triệu đồng.

(4) Phân đầu giai đoạn 2026 - 2030, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP tỉnh Thái Nguyên đạt khoảng 35%.

(5) Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước *(không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu)* phân đầu đạt bình quân 12,5%/năm. Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với GRDP đạt từ 12,5% trở lên.

(6) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 theo giá hiện hành đạt 793,3 nghìn tỷ đồng.

(7) Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP giai đoạn 2026 - 2030 đạt 68%.

(8) Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 12,5%/năm.

(9) Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 4%/năm. Đến năm 2030, tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè đạt 25 nghìn tỷ đồng.

(10) Giá trị xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tăng bình quân 10%/năm; trong đó, xuất khẩu địa phương tăng bình quân 10%/năm.

2.2. Về văn hóa - xã hội

(11) Dân số đến năm 2030 đạt 1.845,7 nghìn người. Tốc độ tăng dân số bình quân đạt 1,52%.

(12) Đến năm 2030, tuổi thọ trung bình đạt từ 75,5 tuổi trở lên.

(13) Đến năm 2030, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt từ 0,79 trở lên.

(14) Đến năm 2030, số lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 826 nghìn người trở lên.

(15) Đến năm 2030, tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 15,73%; công nghiệp và xây dựng chiếm 43,83%; dịch vụ chiếm 40,44%.

(16) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 38% trở lên.

(17) Đến năm 2030, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 3%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn dưới 2,3%.

(18) Đến năm 2030, năng suất lao động theo giá hiện hành đạt từ 437 triệu đồng/lao động trở lên; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hằng năm theo giá so sánh đạt từ 9% trở lên.

(19) Đến năm 2030, có từ 19 bác sỹ, 50 giường bệnh trên 1 vạn dân trở lên.

(20) Đến năm 2030, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.

(21) Củng cố vững chắc và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các cấp học; trước năm 2030 hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. Năm 2030, phần đầu có 82% trường học đạt chuẩn quốc gia, 100% các xã đặc biệt khó khăn đều có trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc bán trú.

(22) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) duy trì mức giảm trên 1,5 điểm%/năm.

(23) Đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người gấp 1,5 lần so với năm 2025. Đạt trên 8 triệu đồng/tháng.

(24) Đến năm 2030, tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, đạt chuẩn theo quy định tại nông thôn đạt 80%, thành thị đạt 100%.

(25) Phần đầu đến năm 2030 có 95% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

(26) Hằng năm, có trên 90% gia đình văn hóa; trên 90% thôn (xóm), tổ dân phố văn hóa; trên 92% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; mỗi xã, phường có ít nhất 01 Câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao.

(27) 100% tổng số hồ sơ công việc của cả tỉnh (gồm cấp tỉnh, cấp xã) được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên môi trường mạng; hạ tầng mạng truy cập băng rộng cố định được đầu tư, nâng cấp đảm bảo 100% người sử dụng có khả năng truy nhập tốc độ trên 1Gb/s; mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 100% dân số, hướng tới phát triển mạng di động tiên tiến thế hệ tiếp theo.

2.3. Về môi trường

(28) Tỷ lệ che phủ rừng từ 60% trở lên.

(29) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

(30) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt từ 95% trở lên. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt yêu cầu theo loại đô thị tương ứng đạt 70%.

(31) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

(32) Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, taxi) sử dụng năng lượng xanh năm 2030 đạt từ 40% trở lên.

2.4. Về quốc phòng - an ninh

(33) Hằng năm, phần đầu xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ đạt từ 3,2% trở lên so với dân số của tỉnh. Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho 100% các đối tượng theo quy định.

(34) Phần đầu đến năm 2030, 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh không có ma túy; hằng năm kiểm chế tai nạn giao thông, nhất là các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng, phần đầu kéo giảm 5% trên cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết và số người bị thương).

II. Nhiệm vụ chủ yếu trên các lĩnh vực

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Về công nghiệp

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Phần đầu tỷ lệ lấp đầy hạ tầng khu công nghiệp đạt trên 70%, cụm công nghiệp đạt 65 - 70%. Tập trung thu hút các ngành công nghiệp có lợi thế: điện - điện tử - bán dẫn, chế biến cơ khí - luyện kim, chế biến nông, lâm sản, chế biến khoáng sản, ngành may mặc,...

Đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng các cụm công nghiệp mới; tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư thực hiện thủ tục xây dựng các cụm công nghiệp mới được thực hiện.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao; dành kinh phí cho công tác hỗ trợ đầu tư và phát triển các sản phẩm công nghệ xanh, công nghệ mới, hiện đại, hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề ở khu vực nông thôn.

1.2. Về nông nghiệp, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng an toàn sinh học, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số, tích hợp đa giá trị, gắn với du lịch nông nghiệp sinh thái cảnh quan, du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa cộng đồng. Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp quy mô lớn theo hướng tăng cường liên kết, gắn kết nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ, nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị. Phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản phẩm OCOP của tỉnh, trong đó tập trung phát triển hệ sinh thái trà, nâng cao giá trị và thương hiệu sản phẩm trà Thái Nguyên.

Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 11/NQ-TU ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025 - 2030; Đề án phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026 - 2030; Đề án tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030;...

Tiếp tục đẩy mạnh chăn nuôi trang trại quy mô lớn, ứng dụng công nghệ về giống, thức ăn, kỹ thuật, thiết bị, chuồng trại, phòng, chống dịch bệnh, chăn nuôi tuần hoàn, an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường. Tăng cường sản xuất liên kết theo chuỗi từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm; xây dựng các chuỗi cung cấp sản phẩm thịt lợn, gà an toàn, chất lượng.

Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng theo quy hoạch. Phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng, phát triển rừng gỗ lớn gắn với quản lý rừng bền vững. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon và xây dựng lộ trình phù hợp để phát triển thị trường tín chỉ các-bon rừng.

Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên; tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, tập trung kiểm soát công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

1.3. Về thương mại, dịch vụ

Thực hiện tốt công tác khuyến công, xúc tiến thương mại; phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa; triển khai ứng dụng hiệu quả mô hình quản lý các sản phẩm giao dịch thương mại điện tử, các website bán hàng điện tử, các hoạt động giao dịch thương mại thông qua các trang sàn thương mại điện tử.

Xây dựng Thái Nguyên thành trung tâm thương mại vùng, giao thương cho toàn vùng trung du, miền núi Bắc Bộ. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại, hội chợ quốc tế để quảng bá sản phẩm, đặc biệt sản phẩm văn hóa - du lịch. Thu hút đầu tư phát triển dịch vụ du lịch cao cấp (khu nghỉ dưỡng, khu phức hợp, sân golf) dựa trên thế mạnh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm, tâm linh. Đẩy mạnh xuất khẩu, tận dụng tối đa cơ hội từ các FTA, mở rộng đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu.

Đẩy mạnh tiêu dùng trong nước, gắn kết lưu thông với sản xuất và liên kết các chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa. Tăng cường phát huy kết nối cung cầu hàng hóa; hình thành các chuỗi liên kết dọc và liên kết ngang, giữa các nhà sản xuất, nhà phân phối và nhà cung ứng dịch vụ hỗ trợ.

1.4. Về khoa học và công nghệ

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ, phát triển các trung tâm ươm tạo, thúc đẩy mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp - viện nghiên cứu - trường đại học. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, đặc biệt trong nông nghiệp thông minh, công nghiệp hiện đại và dịch vụ số; phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn. Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu - phát triển (R&D), nâng cao năng lực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, thúc đẩy đăng ký sáng chế, nhãn hiệu và chuyển giao công nghệ, góp phần hình thành nền kinh tế dựa trên tri thức và đổi mới sáng tạo.

Tập trung xây dựng và nâng cấp hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm nền tảng cho phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Hoàn thiện hạ tầng kết nối băng rộng, phủ sóng 5G/6G, mở rộng mạng cáp quang đến từng hộ gia đình, doanh nghiệp, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi. Xây dựng và vận hành hiệu quả Trung tâm dữ liệu tỉnh, hệ thống dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở, phục vụ quản lý, điều hành và phát triển các ứng dụng số của tỉnh.

Phát triển dịch vụ bưu chính thông minh, logistics số, hỗ trợ thương mại điện tử và cung ứng dịch vụ công trực tuyến. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông; khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới như điện toán đám mây, IoT, AI trong quản lý mạng lưới và cung cấp dịch vụ. Đồng thời, tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng viễn thông; thúc đẩy chia sẻ hạ tầng, sử dụng chung cơ sở kỹ thuật để nâng cao hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững ngành bưu chính, viễn thông của tỉnh.

1.5. Thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế và phát triển kết cấu hạ tầng

Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo hiệu quả, ưu tiên các công trình trọng điểm, kết nối vùng, có tác động lan tỏa. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp, dịch vụ và nông sản như: điện - điện tử - công nghệ cao - hỗ trợ; chế biến nông - lâm sản; khuyến khích, mời gọi các doanh nghiệp đầu tư vào các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp để phục vụ dự án, kịp thời xử lý kiến nghị của nhà đầu tư.

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trở thành “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế. Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng sản xuất, đa dạng hóa thị trường, xây dựng thương hiệu. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của tỉnh năng động, hiệu quả, bền vững, tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các tổ chức thuộc thành phần kinh tế khác, đặc biệt là liên kết với doanh nghiệp; khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Khẩn trương hoàn tất các thủ tục theo quy định để sớm triển khai dự án chống ngập khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên; tiếp tục xây dựng các công trình kết nối Thái Nguyên với các tỉnh Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng; đường Hồ Núi Cốc; hoàn thành đầu tư dự án cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (CT.07), đường Vành đai V (CT.39) theo quy hoạch; quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông để kết nối các xã, liên xã, nhất là đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Đầu tư khu công nghiệp gồm: Sông Công II giai đoạn 2, Phú Bình, Yên Bình 2 và 3, Thượng Đình, Thanh Bình II, Chợ Mới 1 đến 5, đô thị - dịch vụ Tây Phổ Yên, thành lập và đưa vào hoạt động Khu Công nghệ thông tin tập trung Yên Bình. Phát triển hạ tầng điện: Các trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV và các đường dây theo quy hoạch, hệ thống cấp điện nông thôn.

Củng cố hạ tầng phòng, chống thiên tai - thích ứng với biến đổi khí hậu; triển khai đầu tư xây dựng hệ thống hồ chứa nước, công trình phòng, chống lũ. Đầu tư hệ thống cấp nước đảm bảo 100% đô thị và 80% nông thôn có nước sạch theo quy chuẩn.

1.6. Quản lý thu ngân sách nhà nước

Tập trung khai thác toàn diện, hiệu quả các nguồn thu trên địa bàn; chú trọng các lĩnh vực có dư địa lớn như sản xuất công nghiệp, thương mại - dịch vụ, xuất nhập khẩu, thu từ đất đai và tài nguyên. Rà soát, đánh giá đầy đủ tiềm năng thu của từng địa phương, từng ngành, bảo đảm tăng tỷ trọng các khoản thu bền vững, hạn chế các khoản thu không ổn định. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý thuế điện tử, hóa đơn điện tử; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm giảm thất thu, chuyển giá, trốn thuế.

2. Về văn hóa - xã hội; chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân; công tác dân tộc, tôn giáo

2.1. Về giáo dục và đào tạo

Triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục nề nếp, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; gắn kết giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội. Thu hút các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo, tăng cường phổ cập giáo dục, trong đó tập trung thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô trường, lớp, học sinh một cách hợp lý, thu gọn lại các điểm trường lẻ.

Đầu tư nguồn lực, củng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm, các nghề mới đáp ứng nhu cầu nhân lực cho cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư; tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, đẩy mạnh đào tạo theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ và nhu cầu phát triển; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực chất lượng cao trên cơ sở kết hợp nguồn lực giữa doanh nghiệp và các chính sách ưu đãi của Nhà nước nhằm tận dụng nguồn lực sẵn có trên địa bàn. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động; gắn kết đào tạo với nhu cầu thị trường lao động.

2.2. Về văn hóa, thể thao và du lịch

Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh. Phát triển văn hóa, nâng cao hiệu quả công tác gia đình, bảo đảm giữ gìn bản sắc của vùng đất và con người Thái Nguyên. Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035.

Phát huy hiệu quả các giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng; khơi dậy niềm tự hào, ý thức trách nhiệm, tinh thần tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và toàn thể Nhân dân để trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị di sản, bản sắc văn hóa của tỉnh; ưu tiên tu bổ, tôn tạo các di tích đã xếp hạng bị xuống cấp, các di tích gắn với phát triển du lịch bền vững.

Tiếp tục xây dựng và phát triển thể dục thể thao quần chúng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường thể lực, trí lực cho Nhân dân phục vụ lao động, sản xuất, học tập, công tác. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các môn thể thao truyền thống, thế mạnh của tỉnh, các môn có khả năng giành huy chương tại các giải vô địch quốc gia, đại hội thể thao toàn quốc, khu vực, châu lục và quốc tế.

2.3. Về y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; xây dựng và phát triển hệ thống y tế tỉnh Thái Nguyên theo hướng hiện đại và bền vững, phát triển đồng bộ, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư và phát triển hệ thống y tế. Khuyến khích đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính kết hợp với tăng cường thực hiện “chuyển đổi số” trong ngành y tế.

Tập trung thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp, trợ giúp xã hội thường xuyên theo quy định của Chính phủ đảm bảo đầy đủ, hiệu quả, kịp thời. Tiếp tục đầu tư nâng cấp mở rộng các cơ sở trợ giúp xã hội công lập đi đôi với khuyến khích, thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, đặc biệt là cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi theo mô hình dưỡng lão tự nguyện để mở rộng quy mô phục vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của xã hội về cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội trong bối cảnh già hóa dân số.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch bệnh, chăm lo bảo vệ sức khỏe Nhân dân, sẵn sàng ứng phó hiệu quả với các dịch bệnh trong tương lai.

Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có phẩm chất đạo đức tốt, đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Thu hút nhân lực y tế có trình độ chuyên sâu về công tác lâu dài tại địa phương, đặc biệt là y tế cấp cơ sở, vùng khó khăn.

2.4. Nội vụ, việc làm, an sinh xã hội, dân tộc và tôn giáo

Tổ chức và thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương; thực hiện công tác quản lý địa giới đơn vị hành chính, hồ sơ, mốc bản đồ địa giới hành chính các cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục thực hiện công tác rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị theo quy định. Ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2026; ban hành Kế hoạch đo lường mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính giai đoạn 2026 - 2030.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp. Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, từ đó giảm tỷ lệ thất nghiệp, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

Tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững, gắn với bảo đảm an sinh xã hội; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội. Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Thực hiện Chương trình hỗ trợ đầu tư, cải tạo nâng cấp hạ tầng giao thông các xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn (trên địa bàn 37 xã phía Bắc). Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Tăng cường việc triển khai chương trình dạy nghề cho người trong độ tuổi lao động; hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số. Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp về số lượng, quy mô, cơ cấu, loại hình cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội.

Triển khai hiệu quả các chính sách đối với người có công, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo theo nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển, góp phần tăng cường gắn kết khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Về công tác đối ngoại và quốc phòng, an ninh

3.1. Về đối ngoại

Tiếp tục làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với một số tỉnh, thành phố của các nước có quan hệ hợp tác với tỉnh Thái Nguyên, các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài. Thường xuyên quán triệt và triển khai đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; thực hiện nghiêm túc các văn bản của Trung ương và của tỉnh về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Tiếp tục kết nối, tích cực xây dựng, ký kết các thỏa thuận mới giữa tỉnh Thái Nguyên và các đối tác nước ngoài trên cơ sở tìm hiểu kỹ tiềm năng, điểm tương đồng và các hợp tác cụ thể, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, cùng có lợi.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân; công tác vận động, quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài; công tác tổ chức và quản lý hội nghị hội thảo quốc tế.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại; tiếp tục tăng cường và đẩy mạnh việc triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.

Tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành trong cả nước, nhất là vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Thủ đô và đồng bằng sông Hồng trong xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, phát triển hạ tầng, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo việc làm; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3.2. Về quốc phòng, an ninh

Triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng, an ninh. Tập trung tăng cường tiềm lực quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, Quân khu 1 về nhiệm vụ quốc phòng, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Công tác sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu ở các cấp. Thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, kế hoạch phòng thủ dân sự, phương án xử trí tình huống an ninh phi truyền thống. Nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành của cơ quan quân sự các cấp trong ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cháy rừng, sạt lở, sự cố môi trường, đảm bảo “4 tại chỗ”. Tổ chức huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn định kỳ hằng năm sát với tình hình của địa phương.

Bảo đảm tuyển chọn đủ chỉ tiêu, đúng luật, công bằng, công khai, dân chủ. Nâng cao chất lượng thanh niên nhập ngũ, chú trọng tiêu chuẩn chính trị, sức khỏe, trình độ học vấn. Đẩy mạnh công tác tuyển sinh quân sự, hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên bổ sung nguồn cán bộ chất lượng cao cho Quân đội, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Tổ chức, chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết cho diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh 01 lần trong giai đoạn 2026 - 2030 theo chỉ đạo của Quân khu 1. Chỉ đạo diễn tập chiến đấu xã, phường trong khu vực phòng thủ đạt 100% kế hoạch, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp diễn tập, gắn với tình huống thực tế, ứng dụng công nghệ thông tin và mô phỏng huấn luyện.

Tiếp tục củng cố, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, có chất lượng cao, đảm bảo tỷ lệ theo Đề án xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ giai đoạn 2026 - 2030 đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ, nhất là tại các địa bàn trọng điểm; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong từng cơ quan, đơn vị. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và đoàn viên, hội viên, đảm bảo phù hợp với từng đối tượng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Ban Thi đua, khen thưởng tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Bình